


Con cá sấu đói bụng

The hungry crocodile

 Christian G.

 Wiehan de Jager

 Phương Nguyễn

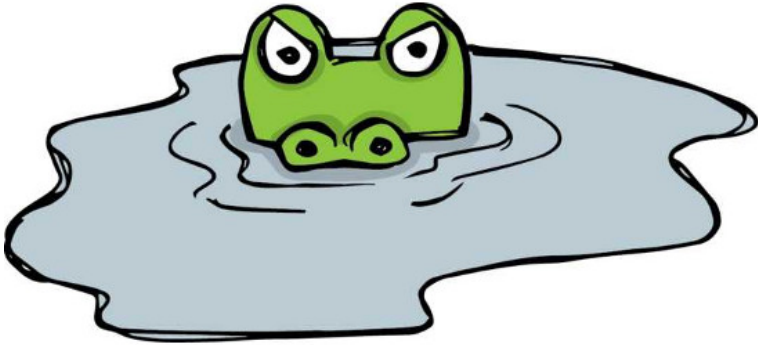
 1

 Tiếng Việt [vi](#) / English [en](#)

Ngày xưa ngày xưa, có một con cá sấu đang rất đói bụng.

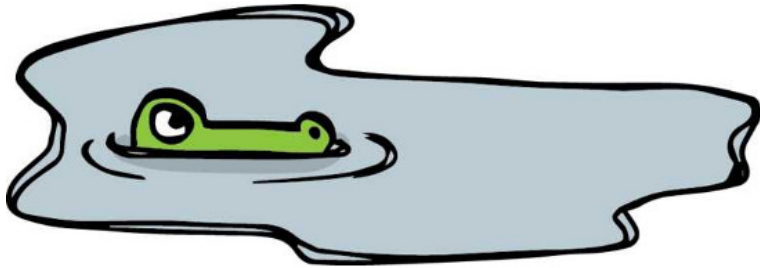
...

Once there was a very hungry crocodile.



Nó tìm thức ăn một cách chậm rãi và im lặng. Và sau đó...

...

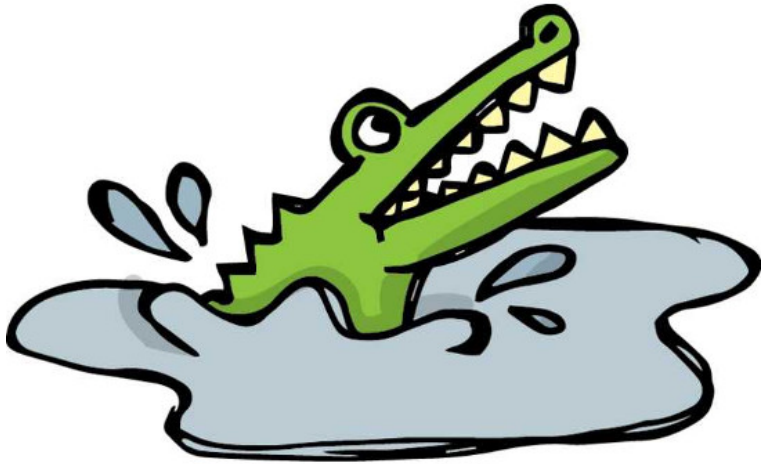


He searched for food slowly and quietly. And then...

Pow!!! Cá sấu tấn công!

...

POW!!! The crocodile strikes!





Sau đó, nó không còn đói bụng nữa, và nó thấy vui vẻ.

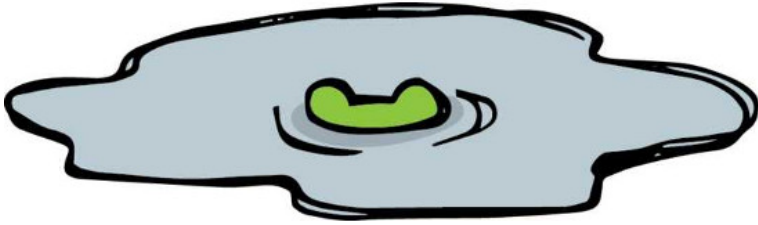
...

After that he is no longer hungry, and he is happy.

Cho đến khi nó đói bụng nữa.

...

Until he gets hungry again.








Global Storybooks

globalstorybooks.net

Con cá sấu đói bụng

The hungry crocodile

 Christian G.
 Wiehan de Jager
 Phương Nguyễn (vi)

